

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **90/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 22-6-2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ly**

- Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Đức Anh**

Ông **Phạm Quang Nghĩa**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Kim Hương** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc** tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 22/6/2022, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/3/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Mai Đình T**, sinh năm: 1964 (Vắng mặt)

ĐKTT: ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đ

- *Bị đơn:* Bà **Hoàng Thị Cần**, sinh năm: 1978 (Vắng mặt)

ĐKTT: ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung nguyên đơn ông Mai Đình T trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện ông và bà Hoàng Thị Cần chung sống với nhau năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện nay ông và bà Hoàng Thị Cần không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Thời gian xảy ra mâu thuẫn ông bà đã cố gắng hòa giải hàn gắn đoàn tụ nhưng không có kết quả. Hiện

nay ông bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm của ông đối với bà Hoàng Thị Cần không còn nên ông yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: ông và bà Hoàng Thị Cần có 01 con chung là cháu Mai Hoàng D, sinh ngày 04/02/2012. Khi ly hôn ông tự nguyện giao con chung cho bà Hoàng Thị Cần trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ông tự nguyện cấp dưỡng để bà Hoàng Thị Cần nuôi con chung là cháu Mai Hoàng D hàng tháng 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*)

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Hoàng Thị Cần đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Cần vẫn vắng mặt, do đó không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thực hiện thông báo thụ lý vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xác định đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về quá trình thu thập chứng cứ gồm biên bản lấy lời khai đương sự, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, biên bản xác minh nơi cư trú đảm bảo theo trình tự tố tụng dân sự.

Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử đã được thực hiện đúng tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Mai Đình T nhận thấy: ông Mai Đình T trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện nay ông và bà Hoàng Thị Cần không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Thời gian xảy ra mâu thuẫn ông bà đã cố gắng hòa giải hàn gắn đoàn tụ nhưng không có kết quả. Hiện nay ông bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án đã triệu tập bà Cần nhiều lần để làm việc, hòa giải nhưng bà Cần vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy bà Cần không muốn về đoàn tụ vợ chồng. Qua biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của ông Mai Đình T và bà Cần tại địa phương không rõ vì không báo để tiến hành hòa giải. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX chấp nhận cho ông Mai Đình T được ly hôn với bà Hoàng Thị Cần là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: ông Mai Đình T và bà Cần có 01 con chung là cháu Mai Hoàng D, sinh ngày 04/02/2012. Xét thấy, khi ly hôn ông tự nguyện giao con chung cho bà Hoàng Thị Cần trực tiếp nuôi dưỡng, hơn nữa cháu Dũng có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Hoàng Thị Cần. Do đó giao cháu Mai Hoàng D, sinh ngày 04/02/2012 cho bà Hoàng Thị Cần trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Mai Đình T tự nguyện cấp dưỡng để bà Hoàng Thị Cần nuôi con chung là cháu Mai Hoàng D hàng tháng 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) nên ghi nhận sự tự nguyện.

Về tài sản chung: ông Mai Đình T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, bà Hoàng Thị Cần vắng mặt không có lời khai về tài sản chung nên cần tách ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

Về nợ chung: ông Mai Đình T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, bà Hoàng Thị Cần vắng mặt không có lời khai về nợ chung nên cần tách ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: ông Mai Đình T có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Hoàng Thị Cần, do đó xác định ông Mai Đình T là nguyên đơn, bà Cần là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông Mai Đình T và bà Hoàng Thị Cần có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên xét xử vắng mặt ông Mai Đình T và bà Cần tại phiên toà là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông Mai Đình T và bà Hoàng Thị Cần tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Mai Đình T nhận thấy: ông Mai Đình T trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện nay ông và bà Hoàng Thị Cần không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Thời gian xảy ra mâu thuẫn ông bà đã cố gắng hòa giải hàn gắn đoàn tụ nhưng không có kết quả. Hiện nay ông bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án đã triệu tập bà Cần nhiều lần để làm việc, hòa giải nhưng bà Cần vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy bà Cần không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Qua biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của ông Mai Đình T và bà Cần tại địa phương không rõ mâu thuẫn của ông bà vì không báo để tiến hành hòa giải. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho ông Mai Đình T được ly hôn với bà Hoàng Thị Cần là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: ông Mai Đình T và bà Cần có 01 con chung là cháu Mai Hoàng D, sinh ngày 04/02/2012. Xét thấy, khi ly hôn ông tự nguyện giao con chung cho bà Hoàng Thị Cần trực tiếp nuôi dưỡng, hơn nữa cháu Dũng có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Hoàng Thị Cần. Do đó giao cháu Mai

Hoàng D, sinh ngày 04/02/2012 cho bà Hoàng Thị Cần trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Mai Đình T tự nguyện cấp dưỡng để bà Hoàng Thị Cần nuôi con chung là cháu Mai Hoàng D hàng tháng 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) cho đến khi cháu Mai Hoàng D đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, nên ghi nhận sự tự nguyện.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bị đơn vắng mặt, không cung cấp lời khai cũng như ý kiến để xác định ông bà có tài sản chung, nợ chung không, nên không giải quyết.

[6] Về án phí: ông Mai Đình T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 án phí dân sự sơ thẩm vì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét nhận định của Kiểm sát viên: Phù hợp, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 51; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- ***Tuyên xử:***

1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Đình T được ly hôn với bà Hoàng Thị Cần

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 174, quyền số 2012 ngày 18/12/2012 do Ủy ban nhân dân xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Hoàng D, sinh ngày 04/02/2012 cho bà Hoàng Thị Cần trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Mai Đình T được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Hoàng Thị Cần

Khi cần thiết, bà Hoàng Thị Cần và ông Mai Đình T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được

pháp luật bảo vệ.

Ông Mai Đình T có nghĩa vụ cấp dưỡng để bà Hoàng Thị Cần nuôi con chung là cháu Mai Hoàng D hàng tháng 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) cho đến khi cháu Mai Hoàng D đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: ông Mai Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0006252 ngày 08/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Ông Mai Đình T còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm vì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Ông Mai Đình T và bà Hoàng Thị Cần được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã, thị trấn
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Ly

